

Số: **142**/KL-TTr

Hà Nội, ngày **22** tháng 6 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Newtecons là nhà thầu thi công dự án xây dựng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2

Thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTr ngày 12/5/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp là nhà thầu thi công dự án xây dựng khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, ngày 02/6/2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Newtecons.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 19/6/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Newtecons (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303103212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/10/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 09/5/2023.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: xây dựng nhà các loại.

- Điện thoại giao dịch: 02835.146.699 Fax: 02835.146.677.

- Trụ sở chính: Newtecons Tower, 96 Phan Đăng Lưu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số tài khoản 0181000267714 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn, số 31010001848974 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, số 19129162661012 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, số 01889378303 tại Ngân Hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Quận 2, số 119002659306 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm, số 1017556766 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

2. Thông tin hạng mục gói thầu thi công

- Tên gói thầu: thi công xây dựng nhà máy cán HRC2 và nhà máy luyện thép.



- Giá trị hợp đồng: 2.535 tỷ đồng.
- Ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất.
- Ngày khởi công: 15/6/2022.
- Thời gian thi công dự kiến: 25 tháng.
- Địa chỉ ban điều hành tại hiện trường: xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Việc ký hợp đồng với nhà thầu phụ: doanh nghiệp ký hợp đồng với các nhà thầu phụ gồm Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đại Tuệ, Công ty TNHH đầu tư và phát triển thương mại dịch vụ TKXD Đức Kiên, Công ty Cổ phần thương mại xây dựng Gia Phạm, Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Hải Đăng, Công ty cổ phần Mepac.

- Số người lao động của doanh nghiệp đang làm việc tại công trường: 82 người.

3. Trách nhiệm quản lý, điều hành các nhà thầu phụ trong công tác an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp

- Đã xây dựng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và phương tiện ra vào công trường, tập kết và xử lý chất thải xây dựng phù hợp.
- Đã thành lập bộ phận giám sát an toàn chung và đề ra biện pháp bảo đảm an toàn lao động khi có nhiều đơn vị cùng thi công trên một công trường.
- Đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp thi công và biện pháp an toàn của nhà thầu phụ: nhà thầu phụ đã thi công theo biện pháp thi công và biện pháp an toàn đã được doanh nghiệp phê duyệt và ban hành; đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; đã kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ cho người lao động, người lao động đã sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân tại công trường.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: không.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 82 người.
- Số người đã ký giao kết đồng lao động 82 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 31 người;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 51 người.
- Số người lao động thuê lại: không phát sinh.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: không.
- Nội dung hợp đồng lao động: kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, mục địa điểm làm việc ghi “theo yêu cầu của công việc”.

2. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Đã thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.
- Đã bố trí người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.
- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.
- Đã thực hiện việc nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng theo đúng quy định của pháp luật.
- Đã thực hiện ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc trong điều kiện bình thường là 12 ngày/năm chưa tính thâm niên.

3. Tiền lương và trả công lao động

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: trả lương theo thời gian.
- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Mức lương thấp nhất: 5.570.000 đồng/người/tháng, cao nhất: 87.400.000 đồng/người/tháng.
- Doanh nghiệp đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 45.000 đồng/người/ngày. Các khoản bổ sung khác: không phát sinh
- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động.
- Tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.

4. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (Số liệu tính tại thời điểm thanh tra, đối với người lao động làm việc tại công trường)

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp: 82 người; số người đã tham gia: 82 người.
- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động là mức lương, phụ cấp lương ghi trên hợp đồng lao động.

5. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 82 người.
- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không.
- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên. Tuy nhiên, chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- Số người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 01 người (làm việc bán chuyên trách).
- Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế địa phương để làm công tác y tế tại công trường, đồng thời chủ đầu tư đã bố trí bộ phận y tế chung cho toàn bộ các nhà thầu.

- Đã cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người người lao động. Tuy nhiên, chưa lưu giữ đủ chương trình huấn luyện chi tiết và tài liệu huấn luyện theo quy định.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.

- Đã lập sổ theo dõi sức khỏe cho người lao động theo quy định.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Tuy nhiên, còn túi sơ cứu chưa đủ số lượng dụng cụ (garo, gạc thấm nước, panh không máu trắng).

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp sử dụng 13 máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (04 cầu tháp, 09 cần cẩu) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn thời hạn.

- Số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra tại công trường: không.

6. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong lĩnh vực xây dựng

6.1. Những quy định chung

- Đã lập các biện pháp an toàn khi thi công.

- Đã lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.

- Lập và ghi sổ nhật ký an toàn lao động tại công trình: không phát sinh.

- Rào chắn, biển cảnh báo để ngăn ngừa xâm nhập trái phép: không phát sinh (do chủ đầu tư đã thực hiện).

- Đã lắp đặt hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại.

- Đã xây dựng công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động.

- Đã dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường.

- Xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình gọn gàng, đảm bảo quy định.

- Đã bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

6.2. Công tác an toàn điện

- Đã lập bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện; dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện.

- Đã xây dựng hệ thống bảo vệ chống sét cho các thiết bị điện, hệ thống điện.
- Đã bố trí các thông báo, cảnh báo cấm người không có thẩm quyền (hoặc nhiệm vụ) vào phòng thiết bị điện hoặc thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện; hướng dẫn cụ thể về trình tự phải thực hiện trong các trường hợp: hỏa hoạn, sơ cứu, cấp cứu, hồi sức cho những người bị điện giật; tên và cách thức liên lạc của người được giao nhiệm vụ quản lý an toàn điện để thông báo, liên lạc khi xảy ra tai nạn do điện, sự cố nguy hiểm như cháy, nổ thiết bị hoặc sự cố khác.
- Đã kiểm tra, thử nghiệm hoặc kiểm định trước khi sử dụng các thiết bị điện, hệ thống điện.
- Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

6.3. Thang và giàn giáo

- Sử dụng giàn giáo thép trên công trường để thực hiện công việc liên quan công tác lắp dựng, bê tông.
- Thiết kế, chế tạo, lắp dựng, sử dụng, kiểm tra, bảo trì thang, các bộ phận của giàn giáo và giàn giáo theo quy định.
- Hồ sơ thiết kế, biện pháp và trình tự lắp dựng đối với giàn giáo, thang và các bộ phận của chúng làm bằng các vật liệu, cấu kiện, sản phẩm phi kim loại (như gỗ, tre) và phi tiêu chuẩn; kiểm tra độ chắc chắn, ổn định của giàn giáo và các chi tiết liên kết; thử nghiệm khả năng chịu tải theo yêu cầu sử dụng được người có thẩm quyền giám sát và xác nhận: không phát sinh.
- Giằng, liên kết, neo giữ giàn giáo đảm bảo an toàn.
- Đã lắp dựng giàn giáo trên hệ chân và nền đỡ.
- Đã bố trí màn che hoặc tấm che để ngăn ngừa nguy hiểm do các vật rơi, sàn công tác, lối đi lại và thang của giàn giáo.
- Đã lắp đặt lan can an toàn và tấm chặn chân tại các phần của sàn công tác, đường đi, thang bậc đối với giàn giáo có chiều cao từ 2,0 m trở lên.
- Đã kiểm tra giàn giáo trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra định kỳ.
- Việc sử dụng giàn giáo định hình, giàn giáo treo: không phát sinh.

6.4. Công tác hàn

- Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao.
- Lập và thực hiện biện pháp an toàn, thông gió khi tiến hành hàn tại buồng, thùng, khoang, bể kín: không phát sinh.
- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm công việc hàn điện.

- Khoảng cách an toàn giữa các chai chứa khí nén và giữa chúng với nơi hàn: không phát sinh.

6.5. Công tác đào, đắp đất đá

Không phát sinh.

6.6. Kết cấu chống đỡ tạm

- Đã khảo sát thiết kế, thi công, lắp dựng, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định an toàn, nghiệm thu, sử dụng, quan trắc, bảo trì, tháo dỡ kết cấu chống đỡ tạm.

- Liên kết, giằng chống các tầng, lớp của kết cấu chống đỡ tạm khi kết cấu chống đỡ tạm có 2 tầng hoặc 2 lớp trở lên.

6.7. Ván khuôn và thi công bê tông

- Đã khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng; thử nghiệm, kiểm định an toàn (nếu có); kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì; tháo dỡ ván khuôn.

- Đã lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ.

- Đã lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công (lắp dựng kết cấu chống đỡ tạm, cốp thép, thép cốt bê tông; đổ bê tông; kéo cáp ứng lực trước; bảo dưỡng; tháo dỡ ván khuôn; thí nghiệm và các công việc khác có liên quan).

- Đã kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.

- Sắp xếp vật liệu, cấu kiện, máy, thiết bị thi công ở khu vực bê tông đang đông cứng: không phát sinh.

6.8. Làm việc trên cao

- Đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên cao.

- Đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên các công trình cao (bao gồm các kết cấu dạng cột, trụ).

- Đã bố trí sàn công tác trên cùng của giàn giáo thấp hơn đỉnh công trình tối thiểu 65 cm.

- Để trống (không sử dụng) trên giàn giáo, sàn đỡ an toàn ngay bên dưới sàn đang có người lao động làm việc để bảo vệ, ngăn ngừa nguy cơ các vật rơi từ bên trên xuống: không phát sinh.

- Khoảng cách khe hở giữa giàn giáo và công trình cao: không phát sinh.

- Bố trí sàn đỡ an toàn bên trên lối vào công trình cao; lối đi, nơi làm việc của người lao động: không phát sinh.

- Đã bố trí thang bộ hoặc thang leo sắt, phương tiện phù hợp khác để leo lên hoặc xuống công trình cao.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện trong thời kỳ thanh tra

Không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động.
- 1.2. Thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 08 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần.
- 1.3. Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân một tháng ít nhất 04 ngày.
- 1.4. Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.
- 1.5. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.
- 1.6. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- 1.7. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động.
- 1.8. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ những người thuộc đối tượng phải tham gia.
- 1.9. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- 1.10. Đã bố trí người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định.
- 1.11. Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế địa phương để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- 1.12. Đã cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Người lao động sử dụng đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.
- 1.13. Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
- 1.14. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.
- 1.15. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động.
- 1.16. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- 1.17. Doanh nghiệp sử dụng 13 máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (04 cầu tháp, 09 cần cầu) đã được kiểm định
- 1.18. Trong thời kỳ thanh tra, tại công trường không để xảy ra tai nạn lao động.
- 1.19. Đã lập các biện pháp an toàn khi thi công; lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình; lắp đặt hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại; xây dựng công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động; dọn dẹp

chất thải, phế liệu trên công trường; xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình gọn gàng, đảm bảo quy định; bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

1.20. Đã lập bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện; dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện.

1.21. Đã xây dựng hệ thống bảo vệ chống sét cho các thiết bị điện, hệ thống điện.

1.22. Đã bố trí các thông báo, cảnh báo cấm người không có thẩm quyền (hoặc nhiệm vụ) vào phòng thiết bị điện hoặc thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện; hướng dẫn cụ thể về trình tự phải thực hiện trong các trường hợp: hỏa hoạn, sơ cứu, cấp cứu, hồi sức cho những người bị điện giật; tên và cách thức liên lạc của người được giao nhiệm vụ quản lý an toàn điện để thông báo, liên lạc khi xảy ra tai nạn do điện, sự cố nguy hiểm như cháy, nổ thiết bị hoặc sự cố khác.

1.23. Đã kiểm tra, thử nghiệm hoặc kiểm định trước khi sử dụng các thiết bị điện, hệ thống điện.

1.24. Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

1.25. Sử dụng giàn giáo thép trên công trường để thực hiện công việc liên quan công tác lắp dựng, bê tông; thiết kế, chế tạo, lắp dựng, sử dụng, kiểm tra, bảo trì thang, các bộ phận của giàn giáo và giàn giáo theo quy định; giằng, liên kết, neo giữ giàn giáo đảm bảo an toàn;

1.26. Đã lắp dựng giàn giáo trên hệ chân và nền đỡ; bố trí màn che hoặc tấm che để ngăn ngừa nguy hiểm do các vật rơi, sàn công tác, lối đi lại và thang của giàn giáo; lắp đặt lan can an toàn và tấm chắn chân tại các phần của sàn công tác, đường đi, thang bậc đối với giàn giáo có chiều cao từ 2,0 m trở lên; kiểm tra giàn giáo trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra định kỳ.

1.27. Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm công việc hàn điện.

1.28. Đã khảo sát thiết kế, thi công, lắp dựng, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định an toàn, nghiệm thu, sử dụng, quan trắc, bảo trì, tháo dỡ kết cấu chống đỡ tạm; liên kết, giằng chống các tầng, lớp của kết cấu chống đỡ tạm khi kết cấu chống đỡ tạm có 2 tầng hoặc 2 lớp trở lên.

1.29. Đã khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng; thử nghiệm, kiểm định an toàn (nếu có); kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì; tháo dỡ ván khuôn; lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ; lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công (lắp dựng kết cấu chống đỡ tạm, cấp thép, thép cốt bê tông; đổ bê tông; kéo cáp ứng lực trước; bảo dưỡng; tháo dỡ ván khuôn; thí nghiệm và các công việc khác có liên quan); kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.

1.30. Đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên cao; đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên các công trình cao (bao gồm các kết cấu dạng cột, trụ); đã bố trí sàn công tác trên cùng của giàn giáo thấp hơn đỉnh công trình tối thiểu 65 cm; bố trí thang bộ hoặc thang leo sắt, phương tiện phù hợp khác để leo lên hoặc xuống công trình cao.

2. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hợp đồng lao động ghi chung chung: mục địa điểm làm việc ghi “theo yêu cầu của công việc” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, hướng dẫn tại Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.3. Chưa lưu giữ chương trình huấn luyện chi tiết và tài liệu huấn luyện theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2.4. Túi sơ cứu chưa đủ số lượng dụng cụ (garo, gạc thấm nước, panh không máu, băng, nẹp) quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nêu tại Phần 2 Mục III, đồng thời báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Hữu Long

ĐI * MÀNG *

